

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Ba Dinh)
Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II/2026	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	77.944	91.871,475	117,87%
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	505	214,538	42,48%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	304	40,069	13,18%
3	Thu bổ sung	77.135	55.006,486	71,31%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	64.568	32.285	50,00%
	Trong đó: CCTL	12.553		
	- Bổ sung có mục tiêu	12.567	22.721,486	180,80%
4	Thu chuyển nguồn		36.610,382	
II	TỔNG SỐ CHI	77.944	43.219,224	55,45%
1	Chi đầu tư phát triển	3.009	1.276,297	42,42%
2	Chi thường xuyên	73.627	41.942,927	56,97%
3	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			
3	Dự phòng	1.308		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH

Biểu số 114/CK TC - NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Ba Dinh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ II/2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	77.955	77.944	91.909,214	91.871,475	117,90%	117,87%
I	Các khoản thu	820	809	292,3455	254,607	35,65%	31,47%
1	Thuế thu nhập cá nhân	100	95	17,896	17,896	17,90%	18,84%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp			2,096	2,096		
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			0,010386	0,010		
4	Thuế giá trị gia tăng	195	189	30,484	30,484	15,63%	16,13%
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
6	Phí và lệ phí	45	45	68,382	40,069	151,96%	89,04%
7	Thu tiền sử dụng đất	10	10				
8	Lệ phí trước bạ	450	450	164,051	164,051	36,46%	36,46%
9	Lệ phí nhà nước liên quan đến quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản						
10	Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến sản xuất kinh doanh						
11	Thu tiền phạt						
12	Các khoản thu khác	20	20	9,426		47,13%	0,00%
II	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
III	Thu chuyển nguồn			36.610,383	36.610,383		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước						
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.135	77.135	55.006,486	55.006,486	71%	71%
1	Bổ sung cân đối ngân sách	64.568	64.568	32.285	32.285	50%	50%
2	Bổ sung có mục tiêu	12.567	12.567	22.721,486	22.721,486	180,80%	180,80%

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH

Biểu số 115/CK TC - NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Ba Dinh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN QUÝ II/2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Tổng số chi	77.944	3.009	74.936	43.219,224	1.276,297	41.942,927	55,45%		55,97%
1	Chi đầu tư phát triển	3.009	3.009	0	1.276,297	1.276,297	0	42,42%	42,42%	
2	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.613		1.613	606,00	0	606,00	37,57%		37,57%
-	Chi dân quân tự vệ	807		807	285,32		285,322	35,36%		35,36%
-	Chi trật tự an toàn xã hội	806		806	320,68		320,683	39,79%		39,79%
3	Chi giáo dục	34.672		34.672	19.396,15		19.396,150	55,94%		55,94%
4	Chi sự nghiệp đào tạo	247		247	0					
5	Chi y tế	0			1.600,697		1.600,697			
6	Chi văn hóa, thông tin	355		355	177,60		177,600	50,03%		50,03%
7	Chi phát thanh, truyền thanh	162		162	0			0,00%		0,00%
8	Chi thể dục, thể thao	280		280	73,91		73,91	26,40%		26,40%
9	Chi bảo vệ môi trường	405		405	31		31,198	7,70%		7,70%
10	Chi các hoạt động kinh tế	3.049		3.049	3.041,80		3.041,798	99,76%		99,76%
11	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	20.738		20.738	10.885,48		10.885,479	52,49%		52,49%
12	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	11.861		11.861	6.130,09		6.130,0899	51,68%		51,68%
13	Chi khác	246		246	246		246	100%		100%
14	Dự phòng	1.308		1.308	265,1		265,10			
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0			0					
16	Nộp trả ngân sách cấp trên	0			0					